

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN LẦN THỨ XXIV NHIỆM KỲ 2020-2025

Hòa chung với không khí của cả nước, thành phố và quận đang diễn ra các hoạt động thi đua sôi nổi chào mừng các ngày lễ lớn trong tháng Năm lịch sử: 45 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, 130 năm ngày sinh nhật Chủ tịch Hồ Chí Minh; 65 năm ngày Giải phóng Hải Phòng. Sáng ngày 18/5/2020, Đảng bộ Viện nghiên cứu Hải sản long trọng tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.



Đồng chí Trần Đình Luân, Tổng cục trưởng
Tổng cục Thủy sản phát biểu tại Đại hội

Tới dự Đại hội, về phía Quận ủy có Đoàn Công tác số 1 do đồng chí Đào Trọng Đức, Thành ủy viên, Bí thư Quận ủy làm Trưởng đoàn. Về phía Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có đồng chí Trần Đình Luân, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và 58 đảng viên của Đảng bộ Viện nghiên cứu Hải sản.

Tại Đại hội, Đồng chí Trần Đình Luân phát biểu ý kiến chỉ đạo, định hướng cho Viện trong thời gian tới tập trung vào các lĩnh vực: Tăng cường công tác điều tra nguồn

lợi, điều tra biển sâu, đề án 47, công tác bảo tồn, xây dựng hạn ngạch khai thác, tìm kiếm các giải pháp đầu tư tàu nghiên cứu, giảm tổn thất sau thu hoạch, phát triển nuôi biển, hợp tác quốc tế; Phương hướng nhiệm kỳ tới là tham vọng nhưng có cơ sở thực hiện và đạt được. Tổng cục trưởng cũng đặt kỳ vọng, trong nhiệm kỳ tới cùng với định hướng đổi mới của ngành, Viện sẽ đạt được kết quả thành công rực rỡ.



Đồng chí Đào Trọng Đức, Bí thư Quận ủy
phát biểu tại Đại hội

Nhiệm kỳ qua, thực hiện các nghị quyết của Trung ương, Thành ủy, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quận ủy, Đảng bộ Viện đã đoàn kết nhất trí, năng động, sáng tạo, chủ động nghiên cứu khoa học công nghệ, phát triển sáng kiến, tập trung lãnh đạo hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 23 đề ra. 5 năm liền Đảng bộ được Ban Thường vụ Quận ủy công nhận là tổ chức cơ sở đảng “Trong sạch, vững mạnh tiêu biểu”. Đảng bộ được các cấp ghi nhận những thành tích: Cờ thi đua Chính phủ, Bằng khen của Bộ Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn về thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển của ngành Thủy sản.

Thay mặt Ban Thường vụ Quận ủy, đồng chí Đào Trọng Đức, Bí thư Quận ủy đã đánh giá cao và biểu dương những kết quả và thành tích mà Đảng bộ Viện đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua. Đồng chí nhận định “Những kết quả trên đã khẳng định vai trò và năng lực lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, cũng như sự tạo điều kiện của Lãnh đạo Viện đối với hoạt động của Đảng bộ góp phần tích cực vào sự phát triển chung của quận Ngô Quyền và thành phố trong những năm qua”.

Tại Đại hội, các đại biểu đã thảo luận và thống nhất đề ra mục tiêu, phương hướng trong nhiệm kỳ 2020-2025 như trong báo cáo chính trị, trong đó tập trung một số nội dung chủ yếu sau: Phát triển Đảng bộ Viện lớn mạnh về số lượng và nâng cao về chất lượng; Nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ phục vụ thiết thực công tác quy hoạch,

quản lý của ngành; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng gắn với thực tiễn sản xuất của ngư dân và doanh nghiệp; Tạo bước chuyển biến mạnh về tiềm lực khoa học công nghệ; Chuyển đổi thành công Viện sang cơ chế tự chủ; Tạo bước đột phá về hợp tác quốc tế.



Ban Chấp hành Đảng bộ Viện nghiên cứu Hải sản nhiệm kỳ 2020-2025 ra mắt toàn thể Hội nghị

Với tinh thần đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Viện gồm 7 đồng chí; bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ cấp trên.

Vũ Thị Thu Hằng

ĐOÀN CÔNG TÁC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỚI THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN

Sáng ngày 05/6/2020, Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát cùng các cán bộ chủ chốt của Viện nghiên cứu Hải sản đã có buổi tiếp đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Thứ trưởng Lê Quốc Doanh làm Trưởng đoàn đến thăm và làm việc tại Viện nghiên cứu Hải sản.

Tham dự buổi làm việc, về phía Viện nghiên cứu Hải sản có Lãnh đạo Viện, Trưởng, Phó các đơn vị; Ban Chấp hành Công đoàn, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên. Về phía Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,



Thứ trưởng Lê Quốc Doanh phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc

có Thứ trưởng Lê Quốc Doanh cùng các đồng chí Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản.



Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát phát biểu tại buổi làm việc

Tại buổi làm việc, Viện trưởng Nguyễn Khắc Bát đã giới thiệu tóm tắt về những hoạt động và những kết quả đạt được trong các lĩnh vực nghiên cứu KH&CN của Viện trong 05 năm vừa qua, đồng thời đề xuất một số định hướng, giải pháp phát triển trong thời gian tới.

Phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc, Thứ trưởng ghi nhận và biểu dương những cố gắng, nỗ lực của tập thể cán bộ Viện luôn đoàn kết, vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; khuôn viên làm việc của Viện luôn khang trang, sạch sẽ. Ngoài những kết quả đạt được, Thứ trưởng cũng lưu ý: (1) Quan tâm, phát triển cơ giới hóa nghề khai thác và tăng cường công nghệ bảo quản sản phẩm trên tàu; (2) Đẩy mạnh các sản phẩm công nghệ giá trị gia tăng; (3) Nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất giống và nuôi biển; (4) Duy trì, phát triển đào tạo nguồn nhân lực; (5) Tăng cường hợp tác quốc tế; (6) Tiếp cận và phối hợp với Nhật Bản trong điều tra nguồn lợi biển sâu và tàu nghiên cứu, xem xét thêm hợp tác với Na Uy; (7) Định hướng liên kết với doanh nghiệp để tiếp thị,

thương mại sản phẩm; (8) Hoàn thiện thủ tục, hồ sơ đất đai; (9) Xây dựng kế hoạch đầu tư công đối với trụ sở chính, Phân viện và trạm Cát Bà, Quý Kim; (10) Vụ KHCN, Vụ Tài chính ưu tiên, bố trí nguồn kinh phí để sửa chữa, cải tạo chống xuống cấp trụ sở chính chào mừng kỷ niệm 60 năm thành lập Viện.



Thứ trưởng Lê Quốc Doanh tham quan Bảo tàng Viện nghiên cứu Hải sản

Kết thúc buổi làm việc, Thứ trưởng đánh giá cao kết quả đạt được cũng như vị trí và vai trò của Viện trong sự nghiệp phát triển của ngành thủy sản. Thứ trưởng đã gửi lời chúc sức khỏe đến toàn thể cán bộ, nhân viên của Viện và chúc cho Viện phát triển hơn nữa, góp phần xây dựng đất nước nói chung và ngành thủy sản nói riêng.



Thứ trưởng Lê Quốc Doanh cùng đoàn công tác chụp ảnh lưu niệm với Lãnh đạo Viện và cán bộ chủ chốt.

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI NGHỊ BIỂU DƯƠNG, TÔN VINH CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẠT THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TIÊU BIỂU GIAI ĐOẠN 2016-2020

Chiều ngày 19/5/2020, Viện nghiên cứu Hải sản đã tổ chức Hội nghị biểu dương, tôn vinh các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu giai đoạn 2016-2020. Tới dự Hội nghị có toàn thể công chức, viên chức và người lao động thuộc Viện.



Phó viện trưởng Nguyễn Phi Toàn trình bày báo cáo tại Hội nghị

Tại Hội nghị, Ông Nguyễn Phi Toàn, Phó viện trưởng, Phó Chủ tịch Công đoàn Viện nghiên cứu Hải sản đã trình bày Báo cáo tổng kết phong trào thi đua và công tác khen thưởng giai đoạn 2016-2020; Phương hướng nhiệm vụ công tác thi đua khen thưởng trong giai đoạn 2021-2025. Đảng ủy, lãnh đạo Viện nghiên cứu Hải sản luôn quan tâm, đôn đốc việc tổ chức, phát động, triển khai thực hiện phong trào thi đua tại đơn vị; cụ thể hóa các nội dung thành các tiêu chí thi đua và nhiệm vụ cụ thể, lồng ghép các nội dung thi đua trong nội dung của Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng ủy Viện, Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức và người lao động hàng năm.

Các phong trào thi đua yêu nước đã được triển khai và nhân rộng trong các đơn vị trực

thuộc Viện, là động lực quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao, đặc biệt các nhiệm vụ về tái cơ cấu ngành, xây dựng nông thôn mới trong lĩnh vực thủy sản của Viện. Với sự nỗ lực và quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu thi đua cũng như các nhiệm vụ chính trị được giao, Viện nghiên cứu Hải sản đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận về thực hiện các chỉ tiêu thi đua trong **05** năm (2015-2019), cụ thể như sau:

- Viện đã thực hiện tổng cộng **70** nhiệm vụ KHCN trong và ngoài nước đều đạt kết quả tốt.

- Đã đăng và chuyển tải các kết quả nghiên cứu khoa học trên **623** bài báo khoa học công nghệ trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước, **62** bài báo khoa học nước ngoài, trong đó có **14** bài ISI.

- Đạt **08** sáng kiến cấp Bộ, **93** sáng kiến cấp cơ sở; bình quân mỗi năm đạt từ 15% cán bộ công chức - viên chức và người lao động đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

- Đạt **03** tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực khai thác thủy sản do Tổng cục Thủy sản công nhận.

- Đạt **05** giải thưởng về Khoa học công nghệ do UBND thành phố Hải Phòng tổ chức.

- Đạt **05** bằng sáng chế độc quyền/giải pháp hữu ích/sở hữu trí tuệ.

- Tính đến thời điểm hiện tại, Viện đã xây dựng được **20** bộ Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam, trong đó có **08** bộ TCVN về lĩnh vực khai thác hải sản, **12** TCVN/Quy chuẩn về lĩnh vực công nghệ bảo quản sau thu

hoạch; có 29 quy trình công nghệ có khả năng ứng dụng, chuyển giao vào sản xuất.

- Hàng năm Đảng bộ Viện được xếp loại thi đua Đảng bộ trong sạch vững mạnh; Công đoàn được xếp loại thi đua Công đoàn cơ sở vững mạnh; Đoàn thanh niên được xếp loại thi đua Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cơ sở xuất sắc.

- Viện đã được công nhận “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa trên địa bàn quận Ngô Quyền giai đoạn 2016-2018”.

- Đạt các tiêu chuẩn “An toàn và an ninh trật tự”; “An toàn phòng chống cháy nổ và An toàn lao động”; Môi trường làm việc “xanh - sạch - đẹp”, thân thiện, chuyên nghiệp; Thực hiện tốt phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc” hàng năm.

- Viện được công nhận là đơn vị dẫn đầu Khối thi đua các Viện trực thuộc Bộ năm 2017 và được tặng Cờ thi đua Chính phủ năm 2017.

Việc thực hiện các phong trào thi đua góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao,

góp phần tích cực trong thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH-CN cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ công tác quản lý, định hướng phát triển chung của ngành và phục vụ cho việc phát triển sản xuất của ngành thủy sản Việt Nam.

Hội nghị cũng được nghe các báo cáo viên trình bày tham luận về “*Xây dựng tập thể lao động giỏi, vững mạnh, đoàn kết*”; “*Cán bộ khoa học thực hiện phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo trong nghiên cứu khoa học*”.

Tại Hội nghị, Lãnh đạo Viện đã trao tặng Giấy khen của Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản cho 04 tập thể và 20 cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2016-2020; Phê duyệt 02 tập thể và 04 cá nhân xuất sắc tiêu biểu được đề nghị khen thưởng cấp Bộ và cấp Nhà nước; Đề nghị tặng Bằng khen Thủ tướng cho 02 cá nhân.



Lãnh đạo Viện trao Kỷ niệm chương và Giấy khen cho các cá nhân và tập thể xuất sắc

Kết thúc, Hội nghị nhất trí thông qua danh sách đại biểu dự Hội nghị điển hình

tiên tiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI NGHỊ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KHAI THÁC, CHẾ BIẾN, TIÊU THỤ HẢI SẢN NĂM 2020

Ngày 16/05/2020 tại Phú Yên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với UBND tỉnh Phú Yên tổ chức “*Hội nghị giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác, chế biến, tiêu thụ hải sản năm 2020*”. Chủ trì Hội nghị gồm có: Ông Phùng Đức Tiến, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ông Trần Hữu Thế, Phó chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên và ông Nguyễn Quang Hùng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản. Hội nghị còn có sự tham dự của các cơ quan trực thuộc Tổng cục Thủy sản, Viện nghiên cứu Hải sản, Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy sản các tỉnh ven biển, Hội nghề cá Việt Nam,...



Thứ trưởng Phùng Đức Tiến tại Hội nghị

Tại Hội nghị, Vụ Khai thác Thủy sản (TCTS) đã trình bày kết quả khai thác vụ cá Bắc năm 2019 - 2020, triển khai khai thác vụ cá Nam 2020 và giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản năm 2020. Tổng sản lượng khai thác vụ cá Bắc 2019 - 2020 đạt 1,63 triệu tấn, trong đó, khai thác hải sản là 1,49 triệu tấn. Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn Luật được ban hành đã tạo được khung pháp lý để triển khai quản lý nghề cá bền vững. Báo cáo cũng phân tích những tồn tại, hạn chế về công tác quản lý tàu cá, công tác bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, xác nhận nguồn gốc thủy sản, đánh dấu tàu cá và

đặc biệt là tình hình dịch Covid 19 ảnh hưởng tới nhiều chuỗi cung ứng. Về kế hoạch triển khai các hoạt động vụ cá Nam 2020, Tổng cục Thủy sản đã đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng khai thác hướng tới 2,11 triệu tấn, trong đó khai thác hải sản đạt 1,98 triệu tấn.

Viện nghiên cứu Hải sản đã báo cáo kết quả điều tra nguồn lợi, dự báo ngư trường khai thác hải sản. Các thông tin dự báo hạn tháng, 10 ngày được cập nhật trên các kênh thông tin như: Trang web, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền thông Duyên hải và trên truyền hình của VTV1, VTV8 và VTC16. Viện cũng đã giới thiệu một số công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch đã được ứng dụng, triển khai thực tế tại các địa phương như: Cơ giới hóa cho nghề chụp mực, lưới rê; công nghệ bảo quản bằng nano UFB và đá sệt; công nghệ sinh học trong chế biến surimi từ nguyên liệu mực đại dương.

Cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản đã tổng hợp thông tin về chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản. Theo số liệu thống kê trong quý I năm 2020 cho thấy xuất khẩu thủy sản đạt 658,6 triệu USD (giảm 6,6% so với cùng kỳ năm 2019). Số lô hàng thủy sản khai thác bị cảnh báo an toàn vệ sinh thực phẩm



Ông Nguyễn Viết Nghĩa, Phó viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản báo cáo kết quả điều tra nguồn lợi, dự báo ngư trường khai thác hải sản tại Hội nghị

giảm do lạm dụng các chất phụ gia trong chế biến sản phẩm như: Nitrite, Nitrate, Ascorbic acid - E300 và bảo quản sau thu hoạch kém (histamin, vi sinh vật). Bên cạnh đó các quy định về yêu cầu của thị trường ngày càng chặt chẽ như thị trường EU, Hàn Quốc, Hoa Kỳ và thị trường liên minh kinh tế Á - Âu (LB Nga).

Hội nghị cũng nghe các giải pháp phát triển khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hải sản năm 2020 từ các đại biểu tham dự, trong đó tập trung vào các giải pháp chống IUU và giải pháp chuỗi cung ứng thủy sản sau Covid 19.

Kết luận tại Hội nghị, Thứ trưởng đã chỉ đạo công tác triển khai vụ cá Nam 2020, trong bối cảnh thực hiện các quy định mới của Luật Thủy sản 2017, giải pháp tháo gỡ thẻ vàng của EC và ứng phó tình hình dịch Covid 19 để hoàn thành Nghị quyết số 36-NQ/TW tập trung vào một số điểm sau:

1. Tổng cục Thủy sản

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình an ninh quốc phòng và diễn biến thời tiết để đề xuất các giải pháp phù hợp hỗ trợ ngư dân yên tâm tham gia sản xuất trên biển. Tổ chức triển khai hướng dẫn Luật Thủy sản 2017 và các văn bản hướng dẫn Luật. Tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp cấp bách có hiệu quả nhằm tháo gỡ thẻ vàng IUU đối với sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào châu Âu.

- Xây dựng cơ chế chính sách, đề án phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành thủy sản, đặc biệt là lĩnh vực khai thác thủy sản.

- Cập nhật thông tin dự báo ngư trường để tuyên truyền phổ biến rộng rãi cho ngư dân, tổ chức khai thác theo tổ đội. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến từ khâu khai thác, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, chế biến và xuất khẩu hải sản. Tổ chức rà soát đánh giá tổn thất sau thu hoạch, ưu tiên nguồn lực tập trung nghiên cứu các giải pháp hỗ trợ

hoạt động khai thác, bảo quản và chế biến sản phẩm thủy sản. Khuyến khích doanh nghiệp tập trung chế biến sản phẩm thủy sản, đảm bảo nguồn nguyên liệu và an toàn vệ sinh thực phẩm.

2. Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản

Chỉ đạo ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ vào chế biến; nâng cao giá trị sản phẩm thủy sản góp phần phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản. Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng quảng bá thương hiệu, sản phẩm thủy sản hỗ trợ xây dựng, bảo vệ bản quyền, bảo vệ thị trường hàng hóa.

3. Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản

Tham mưu tăng cường đảm bảo vệ sinh ATTP tại các cơ sở, khu chế biến thủy sản. Triển khai đồng bộ các giải pháp khắc phục tình trạng thẻ vàng thủy sản, cảnh báo an toàn thực phẩm tại các thị trường nhằm duy trì phát triển thị trường tiêu thụ thủy sản. Đàm phán đấu tranh các quy định không phù hợp với CODEX hoặc quá mức cần thiết. Cập nhật, phổ biến, hướng dẫn xử lý các quy định mới của thị trường.

4. Viện nghiên cứu Hải sản

Tập trung đề xuất các nhiệm vụ khoa học thiết yếu sát với thực tiễn về nguồn lợi, khai thác, bảo quản và chế biến sản phẩm khai thác thủy sản, giống thủy sản.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh ven biển

Tham mưu cho UBND tỉnh về tuyên truyền Luật Thủy sản. Chỉ đạo ban quản lý cảng cá thực hiện nghiêm chỉnh về khai thác IUU. Tăng cường công tác quản lý tàu cá, tập trung bố trí đầu tư xây dựng nâng cao cảng cá. Khuyến khích các doanh nghiệp thủy sản phối hợp kinh doanh theo chuỗi.

Nguyễn Viết Nghĩa

LỄ RA MẮT CÂU LẠC BỘ TIẾNG ANH

Với mong muốn tạo một sân chơi bổ ích, lành mạnh, tăng cường cơ hội giao lưu học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao kiến thức về tiếng Anh cho đoàn viên thanh niên Viện, ngày 26/5/2020, Đoàn Thanh niên Viện nghiên cứu Hải sản đã tổ chức Lễ ra mắt Câu lạc bộ Tiếng Anh (RIMF English Club).

Tới dự Lễ ra mắt Câu lạc bộ về phía khách mời có Đồng chí Nguyễn Văn Hiếu - Bí thư Quận đoàn Ngô Quyền. Về phía Viện nghiên cứu Hải sản có ông Nguyễn Viết Nghĩa - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó viện trưởng Viện nghiên cứu Hải sản, Trưởng phó các đơn vị và các đoàn viên thanh niên thuộc Viện.

Phát biểu tại Lễ ra mắt Câu lạc bộ, đồng chí Nguyễn Văn Hiếu đã gửi lời chúc mừng, lời cảm ơn đến Ban Lãnh đạo Đảng ủy, Ban Lãnh đạo Viện và Đoàn Thanh niên Viện nghiên cứu Hải sản đã luôn quan tâm đến công tác phát triển của Câu lạc bộ nói riêng và công tác Đoàn Thanh niên nói chung. Đồng chí cũng đánh giá cao mô hình hoạt động

của Đoàn Thanh niên Viện nghiên cứu Hải sản. Đồng chí nhận định chương trình đào tạo bồi dưỡng trình độ, chuyên môn ngoại ngữ cần phải xuất phát từ tính chất tự phát, tự giác mới phát huy được hiệu quả. Đồng chí cho rằng Câu lạc bộ Tiếng Anh là một mô hình hoạt động rất bổ ích cho các đoàn viên thanh niên, cần được nhân rộng trong Quận đoàn.



Ông Nguyễn Viết Nghĩa, Phó viện trưởng
tặng hoa chúc mừng Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ

Phát biểu tại Lễ ra mắt Câu lạc bộ, Ông Nguyễn Viết Nghĩa - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó viện trưởng đã bày tỏ niềm vui và gửi lời chúc mừng tới Câu lạc bộ. Đồng thời, ông cũng gửi gắm mong muốn Câu lạc bộ sẽ tạo được môi trường thiết thực, hiệu quả cho đoàn viên thanh niên và cán bộ thuộc Viện có thể sử dụng, rèn luyện, nâng cao kỹ năng thuyết trình tại hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước, kỹ năng viết bài báo quốc tế. Với khả năng ngoại ngữ tốt sẽ giúp các đoàn viên, thanh niên có cơ hội xin được học bổng nghiên cứu khoa học ở nước ngoài. Ông cũng mong muốn các thành viên sẽ có được những giây phút học tập, giải trí thật sự thoải mái và bổ ích tại Câu lạc bộ.



Đồng chí Nguyễn Văn Hiếu
Bí thư Quận đoàn Ngô Quyền phát biểu tại Hội nghị



TS. Lê Tuấn Sơn - Chủ nhiệm Câu lạc bộ Tiếng Anh phát biểu tại buổi Lễ

Thay mặt Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ Tiếng Anh, ông Lê Tuấn Sơn, Tiến sỹ Vi Sinh vật đã giới thiệu trước hội nghị về các quy định, nội dung cũng như hình thức hoạt động của Câu lạc bộ.



TS. Hoàng Đình Chiêu chia sẻ kinh nghiệm tại buổi Lễ

Trong phần giao lưu giữa khách mời, các đoàn viên đã được truyền đạt nhiều nội dung bổ ích và giàu ý nghĩa như: Chia sẻ kinh nghiệm trong việc tìm kiếm học bổng du học nước ngoài; Truyền cảm hứng học tiếng Anh không khó, vấn đề là cách học và duy trì động lực học tiếng Anh như thế nào và chia sẻ một số phương pháp học tiếng Anh hiệu quả. Buổi ra mắt Câu lạc bộ cũng diễn ra hết sức sôi nổi, hấp dẫn, cuốn hút tất cả các thành viên có mặt tham gia chia sẻ về bản thân và mục tiêu tham gia Câu lạc bộ.

Đây là môi trường thuận lợi để các bạn sinh viên có nhiều cơ hội gặp gỡ, trao đổi, phát biểu ý kiến, tranh luận bằng tiếng Anh theo từng chủ đề. Bên cạnh việc trau dồi các kiến thức và kỹ năng tiếng Anh, các thành viên RIMF English Club còn được rèn luyện các kỹ năng thuyết trình, kỹ năng luyện ngữ điệu, kỹ năng điều hành một buổi thảo luận, kỹ năng tổng kết và báo cáo ý kiến bằng tiếng Anh... đây là những kỹ năng giúp cho đoàn viên, thanh niên tạo sự khác biệt và ưu thế cho bản thân trong quá trình làm việc sau này.

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI NGHỊ NGHIỆM THU CƠ SỞ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHCN CẤP THÀNH PHỐ

Để phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững tại Hải Phòng, việc quản lý môi trường nước nuôi là một trong những khâu then chốt. Xuất phát từ thực tiễn này, Sở Khoa học và Công nghệ Hải Phòng đã giao cho Trung tâm Quan trắc môi trường biển, Viện nghiên cứu Hải sản chủ trì thực hiện đề tài: “Đánh giá tổng thể chất lượng môi trường nước tại một số vùng nuôi trồng

thủy sản tập trung ở Hải Phòng, đề xuất các giải pháp quản lý môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững” (Chủ nhiệm đề tài: ThS. Trương Văn Tuấn) với mục tiêu: Đánh giá được tổng thể chất lượng môi trường nước tại một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ở Hải Phòng và đề xuất các giải pháp quản lý môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững.

Sau gần hai năm thực hiện, đề tài đã hoàn thành các mục tiêu đã đề ra. Các kết quả nghiên cứu và đề xuất của đề tài là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng, giúp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất thủy sản, đóng góp tích cực cho công tác quản lý môi trường nước tại các khu nuôi trồng thủy sản tập trung của Thành phố.

Với các kết quả đã đạt được, chiều ngày 16/4/2020, Viện nghiên cứu Hải sản đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu cơ sở kết quả thực hiện đề tài, do TS. Nguyễn Văn Nguyên làm Chủ tịch. Trong tình hình dịch bệnh Covid 19, Hội đồng được tổ chức dưới 10 người, bao gồm 07 thành viên Hội đồng, chủ nhiệm đề tài và đại diện đơn vị chủ trì thực hiện, đảm bảo ngồi đủ giãn cách trên 2 m giữa các thành viên và có đầy đủ thiết bị bảo hộ theo quy định.

Hội đồng đánh giá cao các kết quả đã đạt được của đề tài, ghi nhận những nỗ lực cố

gắng của Ban chủ nhiệm, đồng thời khẳng định các kết quả đạt được của đề tài có giá trị thực tiễn, có thể áp dụng vào quản lý môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững tại Hải Phòng.

Hội đồng nhất trí nghiệm thu đề tài với kết quả Đạt, số điểm trung bình là 86,7 điểm. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ Hải Phòng cho đề tài nghiệm thu cấp Thành phố.



Toàn cảnh Hội nghị nghiệm thu cơ sở

Đỗ Anh Duy, Trương Văn Tuấn

HỘI THẢO TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ MÔI TRƯỜNG

“Đánh giá mức độ rủi ro ô nhiễm môi trường vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển và đề xuất giải pháp quản lý, kỹ thuật nhằm giảm thiểu rủi ro ô nhiễm”

Sáng ngày 05/5/2020, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện nghiên cứu Hải sản tổ chức Hội thảo triển khai nhiệm vụ môi trường “Đánh giá mức độ rủi ro ô nhiễm môi trường vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển và đề xuất giải pháp quản lý, kỹ thuật nhằm giảm thiểu rủi ro ô nhiễm” do TS. Lê Tuấn Sơn làm Chủ nhiệm. TS. Nguyễn Văn Nguyên, Phó viện trưởng chủ trì Hội thảo.



Toàn cảnh buổi Hội thảo

Tại Hội thảo, Ban Chủ nhiệm nhiệm vụ đã báo cáo chi tiết thông tin chung của nhiệm vụ, kế hoạch và giải pháp thực hiện các nội dung của nhiệm vụ. Nhiệm vụ được thực hiện với mục tiêu đánh giá được hiện trạng và xu thế biến động chất lượng môi trường tại một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển; Đánh giá được mức độ và nguy cơ rủi ro ô nhiễm môi trường tại một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển; Đề xuất được giải pháp quản lý, kỹ thuật giảm thiểu rủi ro ô nhiễm môi trường tại một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển; Đề xuất được giải pháp quản lý, kỹ thuật giảm thiểu rủi ro ô nhiễm ở vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển.

Nhiệm vụ sẽ tiến hành thực hiện 04 nội dung tại 06 vùng nuôi cá biển lồng bè tập trung thuộc 03 tỉnh Quảng Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu và Kiên Giang.

- Nội dung 1: Thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu đã có về chất lượng môi trường các vùng nuôi trồng tập trung trên biển và dải ven biển Việt Nam.

- Nội dung 2: Khảo sát bổ sung, đánh giá hiện trạng và xu thế môi trường ở một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển.

- Nội dung 3: Xây dựng bộ chỉ số, phương pháp đánh giá, phân loại mức độ và nguy cơ rủi ro ô nhiễm môi trường vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển.

- Nội dung 4: Đề xuất giải pháp kỹ thuật và quản lý giảm thiểu rủi ro ô nhiễm môi trường và phát triển nghề nuôi cá biển thích ứng với thực trạng, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm.

Hội thảo nhằm giúp Ban Chủ nhiệm xin ý kiến chuyên gia, thảo luận các nội dung nhiệm vụ dự kiến triển khai, góp ý về biểu mẫu quan trắc và phân tích môi trường, phiếu điều tra, quy mô điều tra bổ sung.

Kết thúc Hội thảo, Phó viện trưởng Nguyễn Văn Nguyên đánh giá cao tính khả thi của dự án. Tuy nhiên, Ban Chủ nhiệm dự án cần tiếp thu ý kiến của các chuyên gia để triển khai thực hiện các bước tiếp theo một cách tốt nhất.

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI THẢO TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ MÔI TRƯỜNG

“Đánh giá và đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường làng nghề chế biến hải sản truyền thống góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường khu vực Bắc Trung Bộ”

Sáng ngày 05/5/2020, tại Viện nghiên cứu Hải sản đã diễn ra Hội thảo triển khai nhiệm vụ môi trường “Đánh giá và đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường làng nghề chế biến hải sản truyền thống góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường khu vực Bắc Trung Bộ”, Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS Trần Quang Thư. Tham dự

Hội thảo, về phía cơ quan quản lý có đại diện của Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ NN&PTNT; Các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu môi trường; Về phía Viện nghiên cứu Hải sản có Lãnh đạo Viện, Trưởng, phó các đơn vị và các cán bộ khoa học. TS. Nguyễn Văn Nguyên, Phó viện trưởng chủ trì Hội thảo.



Toàn cảnh buổi Hội thảo

Tại Hội thảo, Ban Chủ nhiệm nhiệm vụ đã trình bày khái quát mục tiêu, nội dung cũng như các phương pháp thực hiện nhiệm vụ. Mục tiêu chung của đề tài là đánh giá được tình trạng ô nhiễm môi trường và thực trạng công tác bảo vệ môi trường ở các làng nghề chế biến hải sản truyền thống; Đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường hiệu quả cho làng nghề chế biến hải sản

truyền thống đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường khu vực Bắc Trung Bộ nhằm nhân rộng ra các địa phương có loại hình làng nghề tương tự.

Hội thảo nhằm giúp Ban Chủ nhiệm xin ý kiến chuyên gia, thảo luận các nội dung nhiệm vụ dự kiến triển khai. Ban Chủ nhiệm cần làm rõ quy mô áp dụng nghiên cứu là gì? Nghiên cứu rõ phương pháp xử lý kết quả điều tra. Cần xây dựng biểu mẫu điều tra một cách tỉ mỉ theo từng tỉnh để tổng hợp, đánh giá để đề xuất hướng điều tra hợp lý.

Kết thúc Hội thảo, Phó Viện trưởng Nguyễn Văn Nguyên đề nghị Ban Chủ nhiệm dự án tiếp thu ý kiến của các chuyên gia để triển khai thực hiện các bước tiếp theo một cách tốt nhất.

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI THẢO TRIỂN KHAI DỰ ÁN “SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM BÀO NGƯ VÀNH TAI”

Chiều ngày 22/5/2020, Viện nghiên cứu Hải sản đã tổ chức Hội thảo triển khai Dự án “Sản xuất thử nghiệm Bào ngư vành tai” do ThS. Lại Duy Phương làm Chủ nhiệm. Tới dự Hội thảo có Lãnh đạo Viện, Trưởng phó các đơn vị, chuyên gia trong lĩnh vực nuôi biển và các cán bộ khoa học có quan tâm. TS. Nguyễn Phi Toàn, Phó viện trưởng chủ trì Hội thảo.



Toàn cảnh Hội thảo

Tại Hội thảo, Ban Chủ nhiệm dự án đã trình bày tóm tắt Mục tiêu, Nội dung cũng như phương án triển khai của dự án. Dự án được thực hiện nhằm góp phần bảo tồn, đa dạng hóa đối tượng nuôi biển, nâng cao thu nhập cho cộng đồng người dân làm nghề nuôi trồng hải sản vùng ven biển và hải đảo. Mục tiêu cụ thể của dự án gồm:

- Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất giống bào ngư vành tai đạt các chỉ tiêu: Tỷ lệ thành thực ổn định ở mức $\geq 75\%$; tỷ lệ tham gia sinh sản $\geq 75\%$; tỷ lệ trứng được thụ tinh $\geq 85\%$; tỷ lệ trứng được nở thành ấu trùng $\geq 85\%$ và tỷ lệ sống từ giai đoạn ấu trùng trôi nổi lên con giống cỡ $\geq 3\text{mm/con}$ đạt $\geq 7\%$, được công nhận tiến bộ kỹ thuật.

- Quy trình được áp dụng tại 3 cơ sở sản xuất giống Bào ngư vành tai với quy mô 0,5 triệu con giống/cơ sở/năm.

- Sản xuất được $\geq 1,5$ triệu con giống sạch bệnh, kích thước đạt $\geq 3\text{mm}$.

- Xây dựng được tiêu chuẩn cơ sở về giống Bào ngư vành tai.

- Đào tạo được 34 kỹ thuật viên cho hơn 20 cơ sở sản xuất giống.



Hình ảnh Bào ngư vành tai

Tại Hội thảo, Ban Chủ nhiệm dự án đã nhận được các góp ý, thảo luận của các chuyên gia và đại biểu tham dự. Qua đó dự án đã xây dựng được phương án triển khai khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế về mùa vụ, điều kiện triển khai thí nghiệm và nội dung của dự án để đạt kết quả tốt nhất.

Kết thúc Hội thảo, TS. Nguyễn Phi Toàn chủ trì Hội thảo đã kết luận đánh giá cao về sự nghiêm túc, sự cầu thị trong việc lên kế hoạch triển khai của Ban Chủ nhiệm dự án và đề nghị cần bám sát nội dung, tiến độ, kế hoạch đã thống nhất trước Hội thảo để triển khai thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra.

Vũ Thị Thu Hằng

HỘI THẢO CHUYÊN GIA, GÓP Ý TCVN - BỘ TIÊU CHUẨN LỒNG BẤY KHAI THÁC HẢI SẢN

Thực hiện nhiệm vụ của Tổng cục Thủy sản giao Viện nghiên cứu Hải sản về việc thực hiện dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, ngày 22/05/2020 Viện nghiên cứu Hải sản đã tổ chức Hội thảo chuyên gia, góp ý nhiệm vụ: Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia “TCVN - Bộ tiêu chuẩn lồng bẫy khai thác hải sản” do ThS. Phạm Văn Tuấn làm Chủ nhiệm Dự án.

Tham dự Hội thảo có các thành viên chuyên gia lĩnh vực khai thác hải sản thuộc Viện nghiên cứu Hải sản, Chi cục Thủy sản Hải Phòng, Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật và Thủy sản Hải Phòng, các cán bộ nghiên cứu thuộc Phòng Nghiên cứu công nghệ Khai thác. TS. Nguyễn Phi Toàn - Phó viện trưởng, chủ trì Hội thảo.

TIN HOẠT ĐỘNG

Dự thảo tiêu chuẩn: “TCNV - Bộ tiêu chuẩn lồng bẫy khai thác hải sản” được xây dựng trên cơ sở thu thập số liệu, phương pháp tính toán, lựa chọn mẫu khảo sát bổ sung, các văn bản quy phạm liên quan... Dự án

đã đề xuất và xây dựng bốn mẫu lồng bẫy: Lồng bẫy mực nang, mực lá; Lồng bẫy ốc hương; Lồng bẫy ghẹ; Lồng bẫy cá rạn với các thông số kích thước, bản vẽ kỹ thuật cụ thể của từng loại lồng bẫy.



Lồng bẫy mực nang, mực lá



Lồng bẫy ốc hương



Lồng bẫy ghẹ



Lồng bẫy cá rạn

Tại Hội thảo, Ban soạn thảo xây dựng dự thảo đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp bổ sung để hoàn thiện “TCVN - Bộ tiêu chuẩn lồng bẫy khai thác hải sản”.

Dự thảo tiêu chuẩn sau khi hoàn thiện tiếp tục được xin ý kiến của Bộ/ngành, các chuyên gia về lĩnh vực khai thác hải sản để tiếp tục hoàn thiện bản dự thảo.

Trần Thị Ngà

NGHIỆM THU QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN CÁ NGỪ ĐẠI DƯƠNG TRÊN TÀU CÂU CÁ NGỪ VỎ GỖ CÔNG SUẤT ≥ 400 CV BẰNG ĐÁ SỆT

Chiều ngày 27/5/2020, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện nghiên cứu Hải sản tổ chức nghiệm thu “Quy trình công nghệ bảo quản cá ngừ đại dương trên tàu câu cá ngừ vỏ gỗ công suất ≥ 400 CV bằng đá sệt” thuộc đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thiết bị bảo quản cá ngừ đại dương bằng đá sệt trên tàu vỏ gỗ” do TS. Nguyễn Xuân Thi làm Chủ nhiệm.



TS. Nguyễn Xuân Thi báo cáo tại Hội nghị

Quy trình công nghệ được xây dựng dựa trên báo cáo chuyên đề “Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ bảo quản cá ngừ

đại dương bằng đá sệt trên tàu câu cá ngừ vỏ gỗ”; các công đoạn thí nghiệm bảo quản cá ngừ bằng đá sệt của 9 chuyến biển trên 2 tàu câu cá ngừ tại Bình Định và Khánh Hòa. Chất lượng cá ngừ bảo quản bằng đá sệt tăng bình quân 30% so với quy trình ngư dân đang sử dụng (bảo quản bằng nước đá), các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm (cảm quan, hóa học, vi sinh) đều nằm trong giới hạn an toàn thực phẩm, thời gian bảo quản được 20-25 ngày.

Hội đồng đánh giá cao hiệu quả của quy trình công nghệ này. Quy trình có tính khả thi cao phù hợp với điều kiện thực tế và tính khả thi khi áp dụng vào thực tiễn sản xuất. Quy trình công nghệ bảo quản thủy sản bằng đá sệt là một công nghệ mới tại Việt Nam. Đối với tàu câu cá ngừ nói riêng (tàu cá nói chung) thì đây là một quy trình mới được áp dụng thành công trên tàu thử nghiệm, tàu mô hình câu cá ngừ đại dương vỏ gỗ.

Hội đồng nhất trí nghiệm thu quy trình với kết quả 5/5 phiếu Đạt.



Hệ thống thiết bị bảo quản bằng đá sệt trên tàu



Ngâm hạ nhiệt độ cá ngừ trước khi bảo quản



Cá ngừ bảo quản bằng đá sệt trong hầm

Vũ Thị Thu Hằng, Nguyễn Xuân Thi

CẤU TRÚC QUẦN XÃ CÁ RẠN TRONG HỆ SINH THÁI RẠN SAN HÔ VEN QUẦN ĐẢO NAM DU, TỈNH KIÊN GIANG

*Trần Văn Hương, Nguyễn Khắc Bát, Nguyễn Văn Hiếu,
Đỗ Anh Duy, Bùi Minh Tuấn, Phùng Văn Giỏi, Nguyễn Kim Thoa*

*Viện nghiên cứu Hải sản,
Email: huongsbn@gmail.com*

TÓM TẮT

Nam Du là quần đảo nằm về phía Tây Nam của Tổ quốc trong Vịnh Thái Lan thuộc huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Kết quả khảo sát hai năm 2018-2019 đã xác định được 108 loài cá rạn san hô thuộc 70 giống, 40 họ, 11 bộ, 2 lớp, trong đó họ cá Thia (Pomacentridae) chiếm ưu thế với 17 loài. Ghi nhận 4 loài thuộc danh mục Sách Đỏ Việt Nam năm 2007. Chỉ số đa dạng loài khá cao, $H' = 3,92$. Mật độ trung bình đạt 975,38 cá thể/500m², mật độ trung bình mùa gió Đông Bắc thấp hơn mùa gió Tây Nam. Nhóm cá có kích thước <10 cm chiếm trên 71% số lượng cá thể bắt gặp.

Từ khóa: Cá rạn san hô, đa dạng sinh học, quần đảo Nam Du

The structure of reef fish community in the coral reef ecosystem in Nam Du archipelago, Kien Giang province

Tran Van Huong^{1,}, Nguyen Khac Bat¹, Nguyen Van Hieu¹,
Do Anh Duy¹, Phung Van Gioi¹, Bui Minh Tuan¹, Nguyen Kim Thoa¹*

¹ Research Institute for Marine Fisheries

**Email: huongsbn@gmail.com*

ABSTRACT

Nam Du island is an archipelago Southwest of the country in the Gulf of Thailand in Kien Hai district, Kien Giang province. The survey results of two years 2018-2019 have identified 108 species of coral reefs of 70 genera, 40 families, 11 order, 2 classes; of which the Thia (Pomacentridae) dominated over the others with 17 species. Four species were recorded in the Vietnam Red Book 2007. The species diversity index is in coastal areas of Nam Du archipelago is quite high ($H' = 3.92$). The average density is 975.38 individuals/500m², the average density in the Northeast wind is lower than the Southwest wind. The fish size <10 cm accounts for over 71% of the number of individuals caught.

Keyword: Coral reef fishes, biology diversity, Nam Du archipelago.

I. MỞ ĐẦU

Nam Du là một quần đảo nằm về phía Đông Nam đảo Phú Quốc trong Vịnh Thái Lan, cách bờ biển Rạch Giá 65 hải lý. Tọa độ địa lý trung tâm: 9⁰41'8" vĩ độ Bắc; 104⁰20'47" kinh độ Đông. Quần đảo Nam Du nằm dưới sự quản lý của xã An Sơn và xã

Nam Du thuộc huyện Kiên Hải tỉnh Kiên Giang. Quần đảo có diện tích khoảng 10,54 km² gồm khoảng 21 đảo lớn nhỏ, trong đó đảo Nam Du có diện tích lớn nhất. Quần đảo Nam Du có khí hậu chí tuyến gió mùa; mùa mưa kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau.

Quần đảo Nam Du là quần đảo tiền tiêu nằm về phía Tây Nam của Tổ quốc trong Vịnh Thái Lan, có vị trí chiến lược phát triển kinh tế, an ninh - quốc phòng biển đảo. Tuy nhiên, những nghiên cứu về đa dạng sinh học và nguồn lợi sinh vật biển ở đây còn hạn chế. Kết quả công bố về đa dạng sinh học nhóm cá rạn san hô tại vùng ven biển này do Viện nghiên cứu Hải sản thực hiện trong 2 năm từ năm 2018 đến 2019 trong khuôn khổ đề tài KC.09.10/16-20: “*Nghiên cứu cơ sở khoa học, định hướng sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và nguồn lợi vùng biển Tây Nam Bộ*”. Kết quả bước đầu ghi nhận thông tin thành phần loài, phân bố, mật độ cá rạn trong hệ sinh thái rạn san hô tại quần đảo Nam Du. Ngoài việc khẳng định chủ quyền biển đảo còn góp phần bổ sung cho cơ sở dữ liệu đa dạng nguồn lợi nhóm cá rạn san hô vùng biển Tây Nam Bộ.

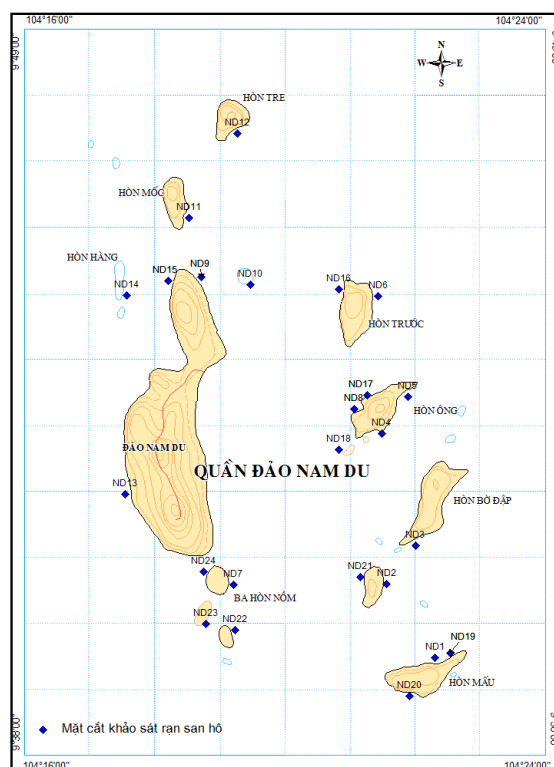
II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm, thời gian, phạm vi và đối tượng nghiên cứu

* *Địa điểm nghiên cứu, thời gian nghiên cứu*: Vùng ven biển quần đảo Nam Du. Tiến hành 02 đợt khảo sát: Đợt 1 vào mùa gió Tây Nam (tháng 9/2018) và đợt 2 vào mùa gió Đông Bắc (tháng 3/2019).

* *Phạm vi nghiên cứu*: Từ vùng triều ven bờ đến độ sâu khoảng 12 m nước so với 0 m hải đồ. Thực hiện tổng số 24 mặt cắt (MC); trong đó từ MC1 đến MC12 (năm 2018) và từ MC13 đến MC24 (năm 2019).

* *Đối tượng nghiên cứu*: Thành phần loài cá rạn san hô thường gặp tại vùng biển ven quần đảo Nam Du.



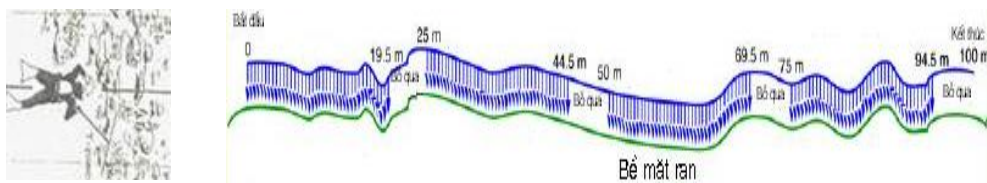
Hình 1. Bản đồ vị trí các mặt cắt khảo sát tại quần đảo Nam Du

2.2. Phương pháp điều tra

- Sử dụng phương pháp kéo Manta-tow theo quy trình hướng dẫn của Kenchington (1984) kết hợp với máy định vị vệ tinh GPS để đánh giá sơ bộ diện tích phân bố rạn san hô và diện tích phân bố cỏ biển. Trên cơ sở đó tiến hành chọn các mặt cắt đại diện để tiến hành khảo sát chi tiết thu thập số liệu.

- Thu mẫu định tính: Bằng việc thu mua của ngư dân câu, đánh lưới, người làm nghề thu gom cá, thu mua tại chợ cá, bến cá tại đảo.

- Thu mẫu định lượng: Việc khảo sát quần xã cá rạn san hô được thực hiện theo phương pháp dây mặt cắt (Line Intercept Method), có sử dụng thiết bị lặn (SCUBA) được mô tả trong English *et al.* (1997).



Hình 2. Sơ đồ ghi chép số liệu trên dây mặt cắt khảo sát dài 100m.

Sau khi hoàn thành việc điều tra trên các mặt cắt, các chuyên gia còn bơi xung quanh để ghi chép và thu thập mẫu ảnh các loài chưa được ghi nhận trên các mặt cắt để bổ sung vào danh mục thành phần loài của từng điểm khảo sát.

2.3. Phương pháp phân loại

Mẫu vật thu định tính được chụp ảnh và cố định trong dung dịch formol 5-10%; các tư liệu ảnh chụp và quay phim trong quá trình khảo sát được phân tích tại Phòng thí nghiệm Khoa học biển của Viện nghiên cứu Hải sản.

Công tác định loại mẫu vật (tại hiện trường và phòng thí nghiệm) dựa theo phương pháp phân loại hình thái trên các sách phân loại hình thái của: Lieske and Meyers (1996), Nakabo (2002), Allen *et al.* (2003), Nguyễn Hữu Phụng và cs. (1994-1999), fishbase (Froese & Pauly, 2019).

2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Chỉ số sinh học: Tính chỉ số đa dạng loài theo Shannon & Weiner (1963):

$$H' = -\sum(n_i/N) \times \log_2(n_i/N)$$

Trong đó: n_i : số lượng cá thể của loài i

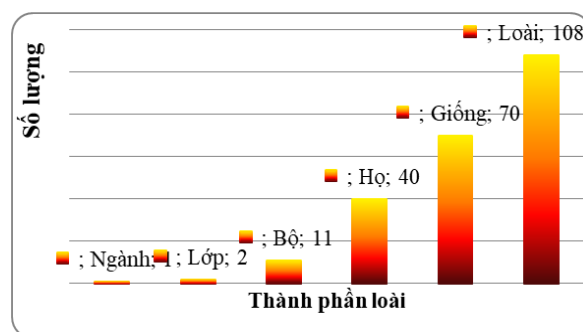
N : tổng số cá thể của tất cả các loài có trên một mặt cắt khảo sát.

Các công cụ và phần mềm sử dụng: Số liệu được phân tích trên phần mềm Excel-Office 2010. Dùng phần mềm Mapinfor 7.5 để xây dựng sơ đồ/bản đồ. Số liệu mật độ cá rạn san hô được quy về số cá thể/500m².

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

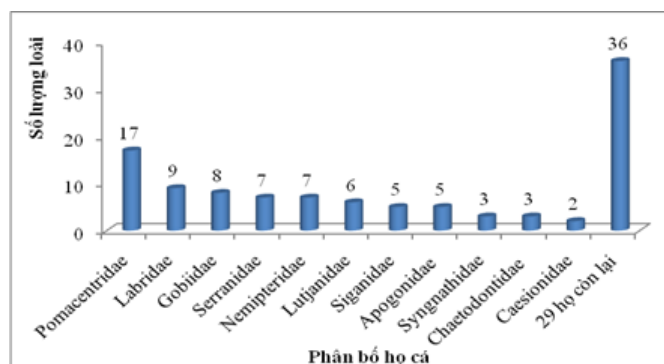
3.1. Đa dạng thành phần loài

Phân tích, tổng hợp các kết quả điều tra, khảo sát trong các năm 2018, 2019 tại quần đảo Nam Du đã xác định được 108 loài cá rạn, thuộc 70 giống, 40 họ, 11 bộ, 2 lớp, 1 ngành (Hình 3).



Hình 3. Cấu trúc thành phần loài cá rạn san hô quần đảo Nam Du

Trong số 40 họ cá ghi nhận một số họ có số loài nhiều như họ cá Thia Pomacentridae có 17 loài (chiếm 15,74%), họ cá Bàng chài Labridae có 9 loài (chiếm 8,33%), họ cá Bống Gobiidae đều có 8 loài (chiếm 7,41%), họ cá Mú Serranidae và họ cá Đồng Nemipteridae đều có 7 loài (chiếm 6,48%), họ cá Hồng Lutjanidae có 6 loài (chiếm 5,56%)... và tổng số 29 họ còn lại có tổng số lượng loài thấp chỉ từ 1 đến 2 loài (chiếm 35,19% tổng số) (Hình 4). Tiêu biểu trong các họ cá có số lượng cá thể nhiều phân bố thành các đàn lớn và xuất hiện thường xuyên ở các mặt cắt là một số loài trong họ cá Thia Pomacentridae và họ cá Miền Caesionidae.



Hình 4. Số lượng loài trong các họ cá san hô tại quần đảo Nam Du

So sánh thành phần loài cá rạn san hô của quần đảo Nam Du với các đảo khác ở khu vực Nam Bộ thì số lượng loài tại quần đảo Nam Du ít hơn nhiều so với đảo Thổ Chu và Côn Đảo và cao hơn so với đảo Phú Quốc (Bảng 1).

Tuy nhiên, do đặc điểm cấu trúc nền đáy rạn san hô đặc trưng của quần đảo Nam Du thường nhỏ, hẹp, độ rộng trung bình rạn san hô khoảng 50 m thì thành phần loài cá rạn san hô tại đây là tương đối đa dạng.

Bảng 1. So sánh số lượng loài cá rạn san hô ở các đảo của Việt Nam

TT	Địa điểm	Loài	Nguồn
1	Quần đảo Nam Du	108	Kết quả của nhóm tác giả
2	Côn Đảo	206	Đỗ Văn Khương và ctv., 2010-2011
3	Phú Quốc	91	Đỗ Văn Khương và ctv., 2010-2011
4	Thổ Chu	261	Đỗ Văn Khương và ctv., 2016

Kết quả phân tích mẫu vật từ các chuyến điều tra của đề tài trong 2 năm đã ghi nhận 04 loài cá thuộc 03 họ khác nhau có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007). Trong đó, có 02 loài cá ngựa ba chấm *Hippocampus trimaculatus* và loài cá ngựa đen *Hippocampus kuda* thuộc cấp

độ EN (loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn) và loài cá bàng chài đầu đen *Thalassoma lunare* và cá bướm bốn vằn *Coradion chrysozonus* thuộc cấp độ VU (loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn) theo các phân cấp khác nhau (Bảng 2).

Bảng 2. Danh sách các loài cá có trong Sách Đỏ Việt Nam

TT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Cấp đe dọa
	Labridae	Họ cá Bàng chài	
1	<i>Thalassoma lunare</i> (Linnaeus, 1758)	Cá bàng chài đầu đen	VU A1d B2b+3c
	Syngnathidae	Họ cá chìa vôi	
2	<i>Hippocampus kuda</i> Bleeker, 1852	Cá ngựa đen	EN A1d C1
3	<i>Hippocampus trimaculatus</i> Leach, 1814	Cá ngựa ba chấm	EN A1d C1
	Chaetodontidae	Họ cá bướm	
4	<i>Coradion chrysozonus</i> (Cuvier & Valenciennes, 1831)	Cá bướm bốn vằn	VU A1d B2b+3c

Ghi chú: EN: Loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn

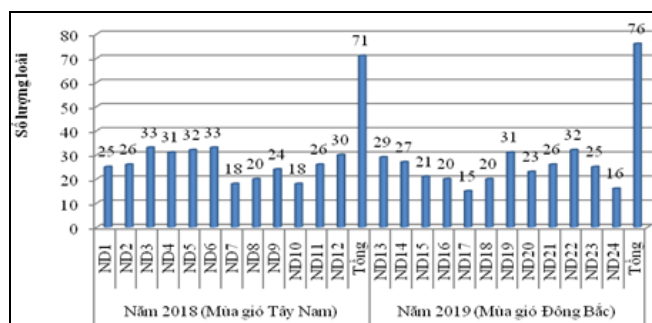
VU: Loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn.

3.2. Đặc điểm phân bố

So sánh thành phần loài cá rạn san hô tại quần đảo Nam Du theo hai mùa gió cho thấy thành phần loài tương đối ổn định. Đợt khảo sát vào gió mùa Tây Nam (năm 2018) ghi nhận có tổng số 71 loài thấp hơn so với đợt khảo sát vào gió mùa Đông Bắc (năm 2019) là 76 loài (Hình 5). Tuy nhiên, so với tổng số 108 loài ghi nhận trong cả hai năm cho thấy rằng, cấu trúc thành phần loài có sự khác biệt khá nhiều.

Khi phân tích vào từng trạm khảo sát cho thấy, số lượng loài phân bố ở cả hai năm dao động từ 15 loài/MC đến 33 loài/MC. Các mặt

cắt MC3 (hòn Bờ Mập), MC4, MC5, MC6 (Hòn Ông và Hòn Trước) và MC6 (Hòn Tre), MC19 (Hòn Mấu), MC22 (Hòn Nồm) có số lượng loài cao nhất trong tổng số 24 mặt cắt khảo sát, số lượng loài lần lượt đạt 33 loài, 31 loài, 32 loài, 33 loài, 30 loài, 31 loài và 32 loài (Hình 5). Các họ cá có số lượng loài phân bố nhiều như họ Pomacentridae, họ Labridae, họ Gobiidae, họ Serranidae, họ Nemipteridae và họ Lutjanidae. Đây cũng là những địa điểm có rạn san hô đẹp, xa khu vực dân cư phân bố và ít bị tác động bởi các hoạt động sinh sống của con người. Các mặt cắt còn lại có số lượng loài thấp hơn.



Hình 5. Thành phần loài cá rạn san hô tại quần đảo Nam Du

3.3. Chỉ số đa dạng

Kết quả phân tích cho thấy, chỉ số đa dạng loài bằng chỉ số đa dạng sinh học Shannon - Wiener (H') ghi nhận: Giá trị

$H' = 3,92$. So sánh với bảng phân chia mức độ đa dạng thì chỉ số H' tại quần đảo Nam Du thuộc mức > 3 đạt giá trị đa dạng tốt.

Bảng 3. So sánh chỉ số H' của quần đảo Nam Du với một số đảo ven bờ biển Việt Nam

TT	Rạn san hô	Chỉ số H'	Nguồn
1	Quần đảo Nam Du	3,92	Kết quả của nhóm tác giả
2	Côn Đảo	0,76	Đỗ Văn Khương và ctv., 2010-2011
3	An Thới	1,11	Nguyễn Nhật Thi và Nguyễn Văn Quân (2005)
4	Thỏ Chu	1,33	Đỗ Văn Khương và ctv., 2016

So sánh chỉ số đa dạng loài (H') của quần xã cá rạn san hô ở cùng khu vực Nam Bộ cho thấy, chỉ số đa dạng H' ở quần đảo Nam Du cao hơn rất nhiều so với đảo Côn Đảo, An Thới và Thỏ Chu. Thực tế cho thấy,

quần đảo Nam Du là quần đảo xa bờ, cảnh quan còn tương đối hoang sơ, ít chịu ảnh hưởng của con người nên mức độ đa dạng loài còn tương đối tốt.

3.4. Mật độ cá rạn san hô

Mật độ trung bình của 2 năm nghiên cứu là 975,38 cá thể/500 m². Mật độ trung bình chuyển gió mùa Tây Nam (năm 2018) cao hơn nhiều so với chuyển gió mùa Đông Bắc (năm 2019). Tuy nhiên, ở cả hai mùa gió ghi nhận nhóm cá có kích thước <10 cm có mật

độ từ 542,00 - 849,75 cá thể/500 m² (chiếm tỷ lệ trên 71% số lượng cá thể bắt gặp). Nhóm cá có kích thước ≥20 cm có mật độ rất thấp trung bình là 5-12 cá thể/500 m² (chiếm trung bình 0,92%) (Bảng 4). Mùa gió Tây Nam có mật độ cao hơn mùa gió Đông Bắc ở tất cả các nhóm kích thước.

Bảng 4. Mật độ trung bình cá rạn san hô theo nhóm kích thước

Thời gian	Mật độ trung bình (Cá thể/500 m ²)	Tỷ lệ % nhóm kích thước		
		< 10 cm	10-19 cm	≥ 20 cm
Năm 2018 (mùa gió Tây Nam)	1.103,42	77,01	21,85	1,14
Năm 2019 (mùa gió Đông Bắc)	847,33	63,97	35,41	0,63
Trung bình	975,38	71,34	27,74	0,92

IV. KẾT LUẬN

Đã xác định được 108 loài cá rạn san hô thuộc 70 giống, 40 họ, 11 bộ, 2 lớp. Ghi nhận được 04 loài trong Sách Đỏ Việt Nam tại rạn san hô quần đảo Nam Du. Một số họ cá có số lượng loài chiếm ưu thế với mật độ cao như họ Pomacentridae, họ Labridae, họ Gobiidae, họ Serranidae, họ Nemipteridae, họ Lutjanidae và họ Caesionidae.

Số lượng loài ghi nhận ở cả hai mùa gió không có sự thay đổi lớn. Chỉ số đa dạng sinh học quần xã cá rạn san hô của quần đảo H' = 3,92.

Mật độ trung bình cá rạn san hô là 975,38 cá thể/500 m², trong đó nhóm cá kích thước nhỏ <10 cm chiếm ưu thế (chiếm >71%). Các nhóm cá có kích thước lớn và giá trị thực phẩm có kích thước ≥20 cm chiếm trung bình 0,92%). Mùa gió Tây Nam có mật độ cao hơn mùa gió Đông Bắc ở tất cả các nhóm kích thước.

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành bài báo này, nhóm tác giả chân thành cảm ơn TS. Nguyễn Khắc Bát

Chủ nhiệm Đề tài KC.09.10/16-20 “Nghiên cứu cơ sở khoa học, định hướng sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và nguồn lợi vùng biển Tây Nam Bộ” đã tạo điều kiện cho chúng tôi thực hiện điều tra khảo sát và sử dụng số liệu để hoàn thành bài báo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng Việt

1. Đỗ Văn Khương và ctv., (2010-2011). Kết quả nghiên cứu của dự án: “Điều tra tổng thể đa dạng sinh học các hệ sinh thái rạn san hô và vùng ven đảo ở vùng biển Việt Nam phục vụ phát triển bền vững” trong năm 2010-2011. Tiểu dự án I.2, Đề án 47. Viện nghiên cứu Hải sản, Hải Phòng.
2. Đỗ Văn Khương và ctv., (2016). Báo cáo tổng hợp kết quả dự án I.2: “Điều tra tổng thể đa dạng sinh học các hệ sinh thái rạn san hô và vùng ven đảo ở vùng biển Việt Nam phục vụ phát triển bền vững” năm 2016. Tiểu dự án I.2, Đề án 47. Viện nghiên cứu Hải sản, Hải Phòng.
3. Nguyễn Hữu Phụng, Nguyễn Nhật Thi, Nguyễn Phi Đỉnh, Lê Trọng Phấn, Đỗ Thị Như Nhung, Nguyễn Văn Lục, Trần Hoài Lan (1994-1999). Danh mục cá biển Việt Nam. Tập I, II, III, IV, V, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
4. Sách Đỏ Việt Nam (2007). Phần I. Động vật. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Hà Nội.

5. Nguyễn Nhật Thi, Nguyễn Văn Quân (2005). Đa dạng sinh học và tiềm năng nguồn lợi cá rạn san hô biển Việt Nam. Sách chuyên khảo. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 119tr.

B. Tài liệu tiếng Anh

6. Allen G.R., R. Steene, H. Humann and N. Deloach, (2003). Reef Fish Identification Tropical Pacific. New World Publications, Inc., 457pp.
7. English S., Wilkinson C., Baker V. (eds) (1997) *Survey Manual for Tropical Marine Resources*, ASEAN-Australian marine science project, Australian Institute of Marine Science, Twonville.
8. Fishbase, (2019). www.fishbase.org
9. Kenchington R.A. (1984). Large area survey of coral reefs. In comparing coral reef survey method, 21, pp. 92-103.
10. Lieske E. and Meyers R. (1996). *Coral Reef Fishes* (Caribbean, Indian Ocean and Pacific Ocean including the Red Sea). Princeton University Press, America.
11. Nakabo. T. (2002). Fishes of Japan with pictorial keys to the species, English edition I. Tokai University Press, Japan, pp v-866.
12. Randall J.E., Allan GR and Steene R.C. (1997). *Fishes of the Great Barrier Reef and Coral Sea*, University of Hawaii Press, Honolulu.
13. Shannon C.E., Wiener W. (1963). The mathematical theory of communities. Illinois: Urbana University, Illinois Press.

Người phản biện: ThS. Lại Duy Phương

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU MỘT SỐ YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG HẢI VÂN VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN KHU VỰC QUẦN ĐẢO CÔN ĐẢO TRONG THỜI GIAN TỪ NGÀY 01-02/11/2019

Trần Văn Vụ

TÓM TẮT

Côn Đảo là một quần đảo ở ngoài khơi bờ biển Nam Bộ Việt Nam, nơi có tính đa dạng sinh học cao và cũng là nơi có các yếu tố môi trường, hải dương ổn định, ít bị ảnh hưởng bởi hoạt động sinh hoạt của con người. Kết quả nghiên cứu tại các khu vực đảo Hòn Tre Lớn, Bãi Ông Đụng, Hòn Bà, Hòn Bông Lan, Hòn Bảy Cạnh và Hòn Đầm Tre từ ngày 1-2/11/2019 cho thấy, nhiệt độ nước biển dao động trong khoảng từ 29,3 - 29,4°C. Theo độ sâu, nhiệt độ nước biển ở đây ít biến đổi và tương đối đồng nhất từ tầng mặt xuống tầng sát đáy. Độ muối nước biển trung bình dao động trong khoảng từ 30,7 - 32,4‰. Chênh lệch độ muối giữa tầng mặt và tầng sát đáy là không quá lớn. Hàm lượng *chlorophyll-a* nước biển trung bình là 1,92µg/l. Từ tầng mặt xuống tầng sát đáy, hàm lượng *chlorophyll-a* tại các khu vực Hòn Tre Lớn, Bãi Ông Đụng và Hòn Bà tương đối ổn định. Riêng trường hợp tại khu vực Hòn Bông Lan, hàm lượng *chlorophyll-a* trong nước biển biến đổi rất mạnh từ tầng mặt đến độ sâu 11m, ở dưới độ sâu này hàm lượng *chlorophyll-a* ít biến đổi. Dòng chảy biển tại Hòn Tre Lớn, Bãi Ông Đụng, Hòn Bà, Hòn Bông Lan, Hòn Bảy Cạnh và Hòn Đầm Tre có hướng và có vận tốc khác nhau, do ảnh hưởng của các yếu tố địa hình, gió và thủy triều.

I. MỞ ĐẦU

Côn Đảo là một quần đảo ở ngoài khơi bờ biển Nam Bộ Việt Nam, khí hậu nơi đây mang đặc điểm á xích đạo - hải dương nóng ẩm, chia thành hai mùa rõ rệt: Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô kéo dài từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt

độ trung bình năm là 26,9°C. Tháng 5 oi bức, có lúc nhiệt độ lên đến 34°C. Lượng mưa bình quân trong năm đạt 2.200 mm; mưa ít nhất vào tháng 1. Quần đảo Côn Đảo nằm ở vùng giao nhau giữa dòng hải lưu ấm từ phía Nam và dòng hải lưu lạnh từ phía Bắc. Nhiệt độ nước biển từ 25,7°C đến 29,2°C [2].

Côn Đảo cũng là nơi có tính đa dạng sinh học cao (Vùng biển của vườn quốc gia sở hữu 1.383 loài sinh vật biển, trong đó có 127 loài rong biển, 11 loài cỏ biển, 157 loài thực vật phù du, 115 loài động vật phù du, 202 loài cá, 8 loài thú và bò sát biển. Các rạn san hô nơi đây do 219 loài hợp thành; độ phủ trung bình là 42,6%), được đánh giá là có các yếu tố môi trường, hải dương ổn định, ít bị ảnh hưởng bởi hoạt động sinh hoạt của con người. Ngoài ra, Côn Đảo là vùng có nhiều rùa biển nhất nước Việt Nam và cũng là nơi duy nhất ở Việt Nam còn tồn tại một quần thể bò biển có cuộc sống không tách rời các thảm cỏ biển. Đặc biệt, Côn Đảo được ghi nhận là nơi có thể bắt gặp nhiều cá nhám voi-đối tượng cần được bảo tồn, đây là nơi có điều kiện môi trường thuận lợi cho cá nhám voi sinh sống [2].

Trên cơ sở khoa học đó, Viện nghiên cứu Hải sản cùng Tập đoàn Vingroup đã trao đổi và tiến hành hợp tác với Vườn Quốc gia Côn Đảo để xây dựng mô hình bảo tồn cá nhám voi tại Côn Đảo. Nội dung hoạt động này tập trung vào việc lưu giữ, nuôi thuần hoá trong lồng (sea-pen) trước khi chuyển về lưu giữ lâu dài tại thủy cung. Viện nghiên cứu Hải sản cùng Công ty Cổ phần VinPearl (Tập đoàn Vingroup) và Vườn Quốc gia Côn Đảo đã tiến hành khảo sát điều kiện hải dương học tại 06 điểm xung quanh các đảo thuộc quần đảo Côn Đảo, để lựa chọn nơi đặt lồng nuôi, thuần hóa cá nhám voi.

Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu các yếu tố hải dương học và môi trường biển ở các khu vực quần đảo Côn Đảo, làm cơ sở khoa học phục vụ cho mục tiêu của Dự án.

II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tài liệu

Nguồn số liệu sử dụng thu thập ở 06 khu vực quần đảo Côn Đảo (Hòn Tre Lớn, Bãi

Ông Đụng, Hòn Bà, Hòn Bông Lan, Hòn Bảy Cạnh và Hòn Đầm Tre) trong chuyến khảo sát từ ngày 01 - 02/11/2019 thuộc chương trình hợp tác giữa Viện nghiên cứu Hải sản và Công ty Cổ phần VinPearl (Hình 1).

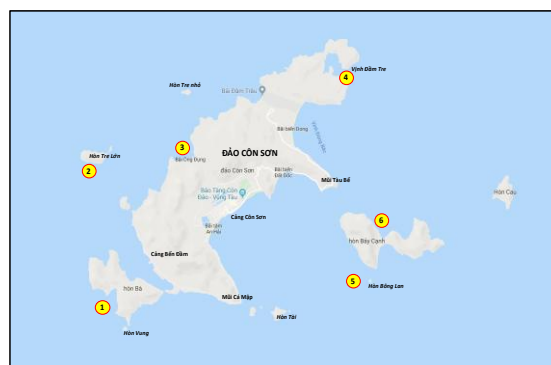
2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thu mẫu hiện trường

Các thông số Hải dương học được quan trắc theo Quy định kỹ thuật khảo sát điều tra tổng hợp tài nguyên và môi trường biển bằng tàu biển theo Thông tư số 22/2010/TT-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nhiệt độ, độ muối nước biển, hàm lượng *chlorophyll-a* được đo từ tầng mặt đến tầng sát đáy với bước đo 1m một số liệu theo độ sâu bằng thiết bị Compact ASTD do hãng Alec của Nhật sản xuất (Seri No: 00190, Sensor type TCKU).

- Dòng chảy được đo bằng máy compact - AEM tự ghi các giá trị hướng và tốc độ dòng chảy tại độ sâu tầng chuẩn theo quy phạm quan trắc trên biển với bước đo 1 giây một số liệu.



Hình 1. Sơ đồ các điểm khảo sát tại quần đảo Côn Sơn

2.2.2. Phương pháp phân tích, xử lý số liệu

Số liệu quan trắc được phân tích xử lý bằng phương pháp thống kê thông thường, phân tích sự biến đổi của các yếu tố theo không gian nghiên cứu.

Phần mềm Microsoft Excel để xử lý thống kê số liệu quan trắc.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Nhiệt độ nước biển

Theo kết quả quan trắc nhiệt độ nước biển trong 02 ngày 01 - 02/11/2019 tại khu vực Hòn Tre Lớn, Bãi Ông Đụng, Hòn Bà,

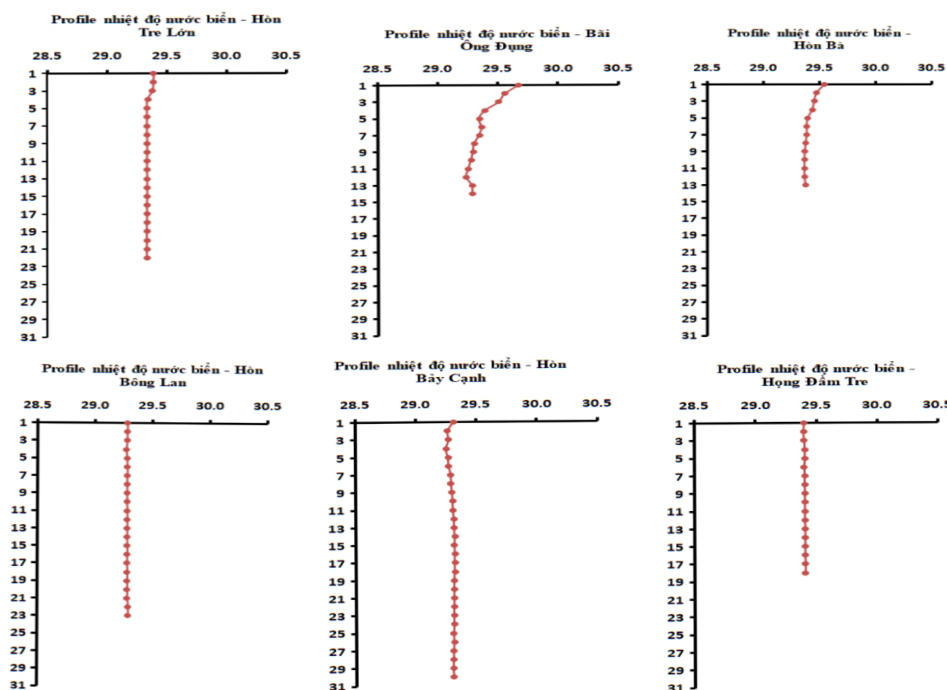
Hòn Bông Lan, Hòn Bảy Cạnh và Hòn Đầm Tre cho thấy, nhiệt độ khối nước biển tầng mặt ở các khu vực này dao động trong khoảng từ 29,3 - 29,6°C và trung bình là 29,4°C. Nhiệt độ khối nước biển ở tầng sát đáy trong thời gian này ổn định hơn tầng mặt và dao động trong khoảng từ 29,3 - 29,4°C, với biên độ dao động chỉ là 0,1°C (Bảng1).

Bảng 1. Giá trị nhiệt độ (°C) theo tầng tại các khu vực nghiên cứu

STT	Vị trí khảo sát	Giá trị nhiệt độ (°C)		
		Tầng mặt	Tầng 10 m	Tầng sát đáy
1	Hòn Tre Lớn	29,4	29,3	29,3
2	Bãi Ông Đụng	29,6	29,3	29,3
3	Hòn Bà	29,5	29,4	29,4
4	Hòn Bông Lan	29,3	29,3	29,3
5	Hòn Bảy Cạnh	29,3	29,3	29,3
6	Hòn Đầm Tre	29,4	29,4	29,4

Theo độ sâu, nhiệt độ ở các khu vực nghiên cứu ít biến đổi và tương đối đồng nhất từ tầng mặt xuống tầng sát đáy. Chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa tầng mặt và tầng sát đáy chỉ là 0,1°C (Hình 2).

Riêng tại khu vực bãi Ông Đụng nhiệt độ nước biển thể hiện xu thế giảm dần theo độ sâu, gradient nhiệt độ theo độ sâu là 0,33°C/m, chênh lệch giữa tầng mặt và tầng sát đáy là 0,5°C mặc dù độ sâu ở đây nhỏ chỉ khoảng 15m.



Hình 2. Cấu trúc thẳng đứng của nhiệt độ ở các khu vực nghiên cứu

3.2. Độ muối nước biển

Khu vực nghiên cứu nằm tương đối xa bờ, ảnh hưởng của thủy triều, nước lục địa do các sông đổ ra là không lớn. Tuy nhiên, trong thời gian diễn ra chuyến khảo sát đang là giai đoạn cuối mùa mưa, sự ảnh hưởng của nước từ lục địa cũng thể hiện rõ ràng. Kết quả quan trắc tại 06 khu vực ở quần đảo Côn Đảo cho thấy, giá trị độ muối dao động trong khoảng từ 30,7 - 32,4‰.

Ở tầng mặt, độ muối nước biển tại các khu vực này dao động mạnh, với biên độ dao động lên tới 2,3‰. Tại tầng sát đáy, độ muối

nước biển cao, ổn định và ít biến đổi so hơn với tầng mặt, trung bình 32,4‰.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, độ muối nước biển tầng mặt tại khu vực Hòn Tre Lớn, Bãi Ông Đụng thấp hơn các khu vực khác, đây là 2 khu vực gần về phía đất liền nhất, điều này thể hiện sự ảnh hưởng của nước từ lục địa ra tới phạm vi khu vực quần đảo Côn Đảo làm độ muối lớp nước mặt ở khu vực này nhỏ hơn 31,0‰, trong khi độ muối ở các khu vực khác đều cao hơn 32,0‰. Đây là điểm đáng lưu tâm trong các nghiên cứu về nguồn lợi sinh vật biển ở các khu vực này.

Bảng 2. Giá trị độ muối (‰) theo tầng tại các khu vực nghiên cứu

STT	Vị trí khảo sát	Giá trị độ muối (‰)		
		Tầng mặt	Tầng 10 m	Tầng sát đáy
1	Hòn Tre Lớn	31,1	32,5	32,6
2	Bãi Ông Đụng	30,1	30,5	32,0
3	Hòn Bà	31,8	32,5	32,5
4	Hòn Bông Lan	32,4	32,4	32,4
5	Hòn Bảy Cạnh	32,1	32,4	32,5
6	Hạng Đàm Tre	32,2	32,3	32,4

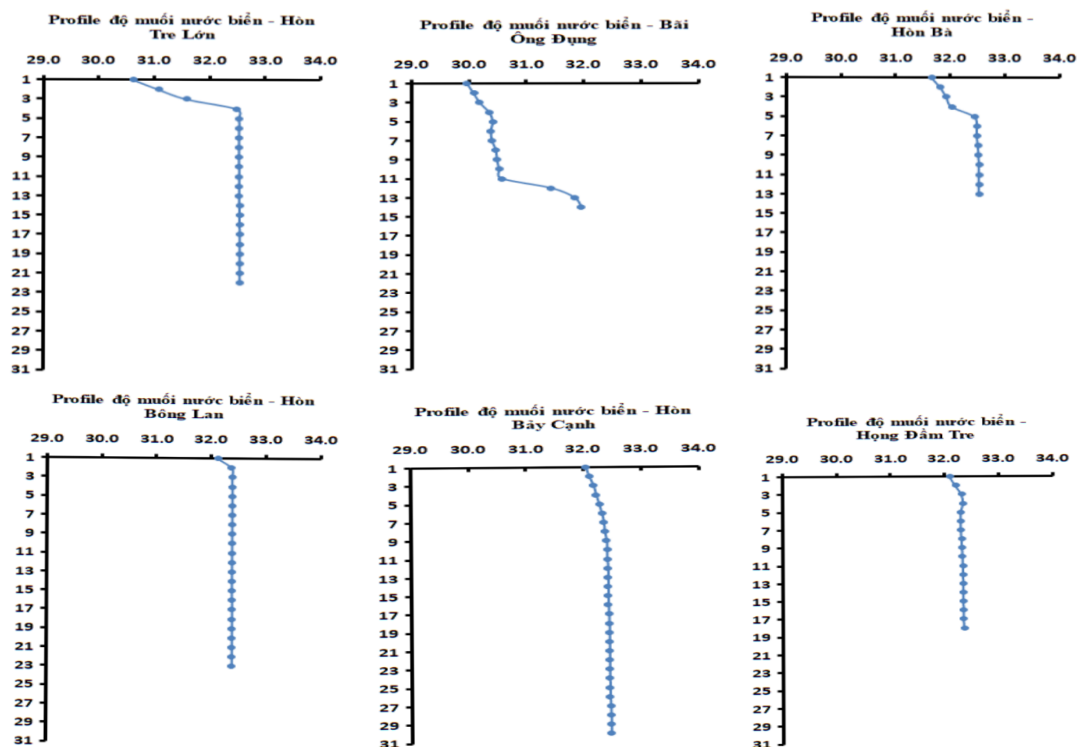
Theo độ sâu, độ muối có xu thế tăng dần từ mặt xuống đáy. Tại các đảo Hòn Tre Lớn, Bãi Ông Đụng và Hòn Bà độ muối thể hiện rõ sự phân tầng theo độ sâu. Trong đó, lớp nhạt muối tầng mặt phân bố từ mặt đến độ sâu khoảng 10 m.

Trong khi đó, tại các khu vực Hạng Đàm Tre, Hòn Bảy Cạnh và Hòn Bông Lan cho thấy rõ sự ổn định từ mặt xuống đáy. Chênh lệch độ muối nước biển ở các khu vực này giữa tầng mặt và tầng sát đáy chỉ vào khoảng 0,5‰. Cấu trúc thẳng đứng độ muối nước biển từ tầng mặt xuống tầng sát đáy ở các khu vực này đều có hình dạng tương đối giống nhau (Hình 3).

3.3. Hàm lượng *chlorophyll-a*

Khu vực nghiên cứu nằm sát hòn và đảo nhỏ - nơi có hàm lượng muối dinh dưỡng cao, đây chính là điều kiện thuận lợi cho thực vật phù du phát triển. Do đó, hàm lượng *chlorophyll-a* ở đây cũng cao hơn các khu vực ngoài khơi. Kết quả quan trắc tại 06 khu vực cho thấy, giá trị hàm lượng *chlorophyll-a* trung bình trong nước biển ở các khu vực này dao động trong khoảng từ 1,02 - 2,48µg/l.

Tại tầng mặt, hàm lượng *chlorophyll-a* đạt giá trị nhỏ nhất 0,71µg/l, cao nhất 2,06µg/l và trung bình 1,60µg/l. Hàm lượng *chlorophyll-a* ở tầng sát đáy trong thời gian này ổn định hơn tầng mặt và dao động trong khoảng 1,02 - 2,17µg/l, với biên độ dao động là 1,15µg/l.



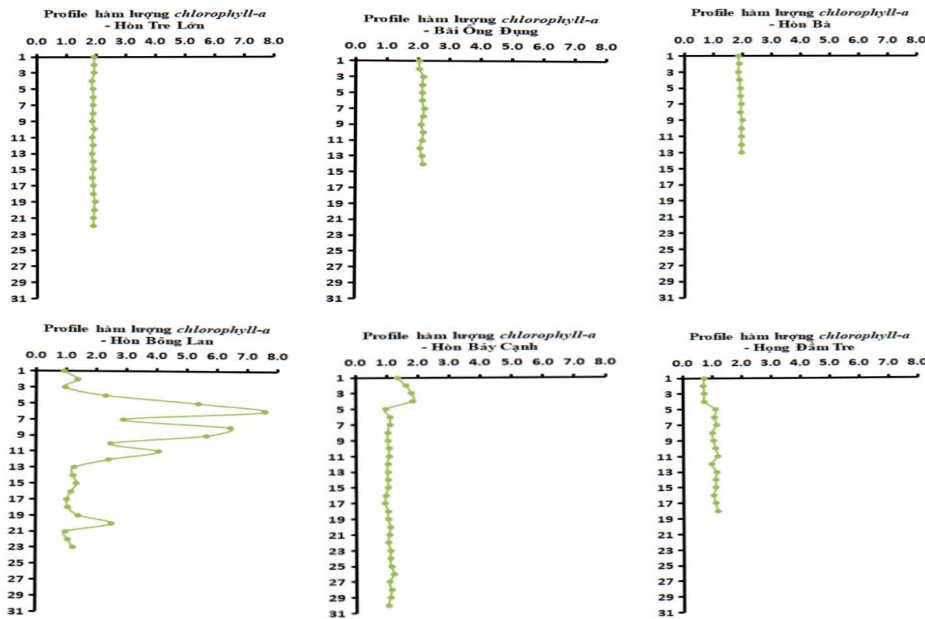
Hình 3. Cấu trúc thẳng đứng của độ muối ở các khu vực nghiên cứu

Bảng 3. Giá trị *chlorophyll-a* ($\mu\text{g/l}$) theo tầng tại các khu vực nghiên cứu

STT	Vị trí khảo sát	Giá trị <i>chlorophyll-a</i> ($\mu\text{g/l}$)		
		Tầng mặt	Tầng 10 m	Tầng sát đáy
1	Hòn Tre Lớn	1,94	1,94	1,91
2	Bãi Ông Đụng	2,06	2,18	2,17
3	Hòn Bà	1,89	1,97	1,99
4	Hòn Bông Lan	1,38	2,48	1,24
5	Hòn Bẫy Cạnh	1,62	1,07	1,02
6	Hạng Đàm Tre	0,71	1,12	1,19

Theo độ sâu, hàm lượng *chlorophyll-a* trong nước biển tại các khu vực Hòn Tre Lớn, Bãi Ông Đụng và Hòn Bà ít biến đổi và tương đối đồng nhất từ tầng mặt xuống tầng sát đáy. Cấu trúc thẳng đứng của hàm lượng *chlorophyll-a* trong nước biển ở các khu vực này có hình dạng tương đối giống nhau.

Chênh lệch hàm lượng *chlorophyll-a* giữa tầng mặt và tầng sát đáy ở khu vực Hòn Bẫy Cạnh và Hạng Đàm Tre không quá $0,6 \mu\text{g/l}$. Riêng trường hợp tại khu vực Hòn Bông Lan, nhận thấy sự phân tầng rõ rệt, hàm lượng *chlorophyll-a* tăng dần từ tầng mặt và đạt cực đại ở độ sâu khoảng 5-11 m. Ở dưới độ sâu này hàm lượng *chlorophyll-a* giảm dần đều cho xuống đáy.



Hình 4. Cấu trúc thẳng đứng của chlorophyll-a ($\mu\text{g/l}$) ở các khu vực nghiên cứu

3.4. Dòng chảy biển

Dòng chảy tại các điểm khảo sát chịu tác động rất lớn bởi các yếu tố địa hình và gió (các điểm quan trắc nằm sát các hòn và đảo nhỏ). Từ kết quả xử lý và phân tích có thể đưa ra một số đánh giá về dòng chảy tại 06 khu vực như sau:

Tại khu vực Hòn Tre Lớn: Dòng chảy tầng mặt có hướng chính là Đông (E) chiếm tần suất 88,2%. Tốc độ dòng chảy tại tầng mặt ghi nhận giá trị nhỏ nhất đạt 16,0 cm/s, lớn nhất 26,6 cm/s và trung bình 22,6 cm/s. Xuống tới tầng sát đáy, dòng chảy có hướng chính là Nam (S) và Tây Nam (SW) với cùng tần suất 47,6%, tốc độ chảy trung bình ở tầng này giảm đi nhiều so với tầng mặt và chỉ đạt 4,1 cm/s.

Khu vực Bãi Ông Đụng: Cũng giống như ở Hòn Tre Lớn, dòng chảy tầng mặt có hướng chính là Đông (E) với tần suất 61,9%, còn lại là hướng Đông Bắc (NE) chiếm tần suất nhỏ hơn. Tốc độ dòng chảy trung bình đạt 16,7 cm/s. Tại tầng sát đáy, dòng chảy ở

đây về cơ bản giống dòng chảy ở tầng mặt về hướng nhưng tốc độ dòng chảy trung bình thì yếu hơn.

Khu vực Hòn Bà: Dòng chảy tầng mặt ở khu vực này có hướng chủ đạo là Tây Bắc (NW) với tần suất 71,4%, tốc độ dòng chảy đo được lớn nhất đạt 19,6 cm/s và nhỏ nhất là 8,1 cm/s. Trái với dòng chảy ở tầng mặt, tại tầng sát đáy dòng chảy rất mạnh và đạt giá trị cực đại là 30,9 cm/s, với hướng chính là Tây Bắc (NW), đạt tần suất 95,2%.

Ở khu vực Hòn Bông Lan: Dòng chảy tầng mặt và dòng chảy tầng sát đáy ở khu vực này có hướng gần giống nhau, với hai hướng chủ đạo là Đông Bắc (NE) và đông Nam (SE). Tốc độ dòng chảy trung bình ở tầng mặt lớn hơn ở tầng đáy là 8,8 cm/s.

Dòng chảy tầng mặt và tầng sát đáy tại khu vực Hòn Bảy Cạnh có hướng khác nhau và tốc độ dòng chảy trung bình ở hai tầng thì không lớn. Trong khi ở tầng mặt, hướng dòng chảy chiếm ưu thế là Tây Nam (SW) và

Nam (S) thì ở tầng sát đáy, hướng dòng chảy chính là Tây (W).

Dòng chảy ở khu vực Hạng Đàm Tre có sự thay đổi giữa tầng mặt và tầng sát đáy. Hướng dòng chảy chiếm ưu thế ở tầng mặt là

hướng Nam (S) với tần suất 61,9% và Đông Nam (SE) với tần suất 38,1%. Ở tầng sát đáy, tốc độ dòng chảy nhỏ hơn ở tầng mặt với hướng dòng chảy chiếm ưu thế là hướng Đông Nam (SE) và hướng Đông (E).

Bảng 4. Giá trị dòng chảy tại các khu vực nghiên cứu

Vị trí khảo sát	Số liệu	Giá trị dòng chảy biển							
		Tầng mặt				Tầng sát đáy			
		Hướng ưu thế (%)	Vtb (cm/s)	Vmin (cm/s)	Vmax (cm/s)	Hướng ưu thế (%)	Vtb (cm/s)	Vmin (cm/s)	Vmax (cm/s)
Hòn Tre Lớn	272	E: 88,2	22,6	16,0	26,6	S: 47,6; SW: 47,6	4,1	2,2	6,5
Bãi Ông Đụng	262	E: 61,9; NE: 38,1	16,7	9,7	23,3	E: 57,1 NE: 42,9	11,3	9,8	12,9
Hòn Bà	252	NW:71,4 W: 23,8	14,1	8,1	19,6	NW: 95,2	24,7	15,6	30,9
Hòn Bông Lan	242	NE: 57,1 SE: 19,0 E: 19,0	16,8	4,7	28,0	NE: 33,3 SE: 33,3 E: 23,8	8,0	2,1	18,0
Hòn Bảy Cạnh	257	SW: 47,6 S: 42,9	8,3	2,5	12,6	W: 90,5	7,7	5,3	11,6
Hạng Đàm Tre	242	S: 61,9; SE: 38,1	17,5	10,0	22,5	SE: 52,4 E: 28,6	8,7	3,2	13,5

IV. KẾT LUẬN VÀ THẢO LUẬN

Nhiệt độ khối nước biển trung bình ở các khu vực này dao động trong khoảng từ 29,3 - 29,4°C. Theo độ sâu, nhiệt độ khối nước biển ở 06 khu vực này ít biến đổi và tương đối đồng nhất từ tầng mặt xuống tầng sát đáy.

Độ muối nước biển trung bình dao động trong khoảng từ 30,7 - 32,4‰. Chênh lệch độ muối giữa tầng mặt và tầng sát đáy là không quá lớn. Độ muối nước biển tại 06 khu vực nghiên cứu tương đối ổn định, ít biến động.

Hàm lượng *chlorophyll-a* trong nước biển trung bình 1,92µg/l. Theo độ sâu, hàm lượng *chlorophyll-a* tại các khu vực Hòn Tre Lớn, Bãi Ông Đụng và Hòn Bà tương đối ổn định từ tầng mặt xuống tầng sát đáy. Riêng trường hợp tại khu vực Hòn Bông Lan, hàm lượng

chlorophyll-a trong nước biển biến đổi rất mạnh từ tầng mặt xuống tầng sát đáy.

Dòng chảy biển tại Hòn Tre Lớn, Bãi Ông Đụng, Hòn Bà, Hòn Bông Lan, Hòn Bảy Cạnh và Hạng Đàm Tre có hướng và có vận tốc khác nhau, do ảnh hưởng của các yếu tố địa hình, gió và thủy triều.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Viết Nghĩa, Nguyễn Hoàng Minh, Trần Văn Vự, Hoàng Đình Chiêu, Đinh Thanh Đạt và Trần Văn Hường (2019), Báo cáo khảo sát lựa chọn địa điểm đặt lồng sea-pen tại vùng biển Côn Đảo, Dự án “Nghiên cứu thăm dò nguồn lợi và bảo tồn, lưu giữ nguồn gen cá nhám voi *Rhincodon typus* Smith”, 1928 ở Việt Nam, Viện nghiên cứu Hải sản.
- Nguồn internet (https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Côn_Đảo&oldid=58774487).

Người phản biện: TS. Nguyễn Văn Hường